

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1087/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 02 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Đề án “Tăng cường chuyển đổi số lĩnh vực công tác dân tộc đến năm 2030”

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 22 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 66/2022/NĐ-CP ngày 20 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Dân tộc;

Căn cứ Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”;

Căn cứ Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ ban hành Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Theo đề nghị của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án “Tăng cường chuyển đổi số lĩnh vực công tác dân tộc đến năm 2030” (sau đây gọi tắt là Đề án) với những nội dung sau đây:

I. QUAN ĐIỂM

1. Tăng cường chuyển đổi số lĩnh vực công tác dân tộc phải bám sát chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về công tác dân tộc, phù hợp với Chương

trình chuyển đổi số quốc gia, các chiến lược quốc gia về phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số, phát triển kinh tế số và xã hội số, dữ liệu quốc gia, Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030”, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 và các chiến lược, chương trình, đề án, kế hoạch chuyển đổi số khác của bộ, ngành, địa phương.

2. Tăng cường chuyển đổi số lĩnh vực công tác dân tộc trước tiên cần tăng cường chuyển đổi nhận thức của lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan quản lý nhà nước về công tác dân tộc và đồng bào dân tộc thiểu số. Xác định đồng bào dân tộc thiểu số là trung tâm, chủ thể, mục tiêu, động lực để thực hiện tăng cường chuyển đổi số lĩnh vực công tác dân tộc.

3. Cơ quan quản lý nhà nước giữ vai trò tiên phong và chủ đạo, đồng bào dân tộc thiểu số giữ vai trò hạt nhân, cơ chế chính sách là nền tảng, hạ tầng số là mũi đột phá trong tăng cường chuyển đổi số lĩnh vực công tác dân tộc.

4. Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo, ứng dụng hiệu quả có trọng tâm, trọng điểm các thành tựu khoa học và công nghệ của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; huy động, hợp tác, thu hút nguồn lực hợp pháp trong tăng cường chuyển đổi số lĩnh vực công tác dân tộc.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Tăng cường chuyển đổi số lĩnh vực công tác dân tộc nhằm mục tiêu phát triển Chính phủ điện tử, hướng tới Chính phủ số tại các cơ quan quản lý nhà nước về công tác dân tộc, phát triển kinh tế số, phát triển xã hội số tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số, thúc đẩy quá trình chuyển đổi số quốc gia, góp phần phát triển kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội, giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của các dân tộc thiểu số Việt Nam.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Đến năm 2025

- Xây dựng, hoàn thiện khung pháp lý, cơ chế chính sách về tăng cường chuyển đổi số lĩnh vực công tác dân tộc.

- Xây dựng, ban hành kế hoạch triển khai Đề án “Tăng cường chuyển đổi số lĩnh vực công tác dân tộc đến năm 2030”.

- Xây dựng, vận hành Trung tâm dữ liệu tại Ủy ban Dân tộc.

b) Giai đoạn 2026 - 2030

- Phát triển Chính phủ số

+ 100% lãnh đạo Ủy ban Dân tộc sử dụng chữ ký số cá nhân trong xử lý văn bản và hồ sơ công việc trên môi trường số.

+ 80% lãnh đạo cơ quan quản lý nhà nước về công tác dân tộc cấp tỉnh, 70% lãnh đạo cơ quan quản lý nhà nước về công tác dân tộc cấp huyện sử dụng chữ ký số cá nhân trong xử lý văn bản và hồ sơ công việc trên môi trường số.

+ 100% chế độ báo cáo tổng hợp, báo cáo định kỳ, báo cáo thống kê lĩnh vực công tác dân tộc phục vụ chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ được kết nối, tích hợp, chia sẻ thông tin, dữ liệu trên Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ.

+ 100% các thủ tục hành chính trong cơ quan quản lý nhà nước về công tác dân tộc được thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình.

+ Xây dựng, ban hành bộ chỉ số lĩnh vực công tác dân tộc phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành dựa trên dữ liệu số của lãnh đạo Ủy ban Dân tộc.

+ Xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu về công tác dân tộc, cơ sở dữ liệu về các dân tộc thiểu số Việt Nam, kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu trên Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP) của Ủy ban Dân tộc.

+ 100% dữ liệu mở lĩnh vực công tác dân tộc được công bố, cập nhật theo quy định.

+ 100% cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan quản lý nhà nước về công tác dân tộc được đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng về chuyển đổi số.

- Phát triển xã hội số

+ 50% doanh nghiệp, hợp tác xã, kinh tế hộ gia đình đồng bào dân tộc thiểu số được đào tạo, tập huấn, hướng dẫn, hỗ trợ tiếp cận thông tin về công nghệ số, ứng dụng công nghệ số, chuyển đổi số trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

+ 80% trưởng thôn, bản, ấp, buôn, người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số được đào tạo, tập huấn về chuyển đổi số.

+ Có chính sách hỗ trợ dịch vụ viễn thông, Internet cho đồng bào dân tộc thiểu số tại các vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa.

- Phát triển kinh tế số

50% chủ thể OCOP là hộ đồng bào dân tộc thiểu số.

III. NHIỆM VỤ

1. Chuyển đổi nhận thức

a) Chuyển đổi nhận thức cho lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan quản lý nhà nước về công tác dân tộc, nhất là chuyển đổi về tư duy, lề lối làm việc từ thủ công truyền thống sang làm việc trên môi trường số.

b) Chuyển đổi nhận thức cho đồng bào dân tộc thiểu số, nhất là nhận thức về hoạt động sản xuất, kinh doanh thủ công sang hoạt động sản xuất, kinh doanh dựa trên ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số.

2. Phát triển hạ tầng số

a) Xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng Trung tâm dữ liệu của Ủy ban dân tộc gồm hệ thống thiết bị máy chủ, lưu trữ, thiết bị mạng, các hạ tầng điện toán đám mây, bảo mật, an toàn thông tin theo cấp độ, kỹ thuật phòng chống cháy nổ, chống sét tập trung, Internet tốc độ cao.

b) Xây dựng lộ trình triển khai Trung tâm dữ liệu của Ủy ban Dân tộc phù hợp với lộ trình triển khai của Trung tâm dữ liệu quốc gia.

3. Phát triển dữ liệu số

a) Cập nhật thông tin, dữ liệu trên Kho dữ liệu công tác dân tộc và Kho dữ liệu thống kê 53 dân tộc thiểu số, kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu với bộ, ngành, địa phương có liên quan.

b) Xây dựng, cập nhật các thông tin, dữ liệu về chính sách dân tộc và kết quả thực hiện chính sách dân tộc; bảo tồn tiếng nói, chữ viết các dân tộc thiểu số Việt Nam tích hợp Từ điển dân tộc và bộ gõ tiếng dân tộc; theo dõi hoạt động tuyên truyền chính sách và các nội dung liên quan lĩnh vực công tác dân tộc.

c) Xây dựng, cập nhật thông tin, dữ liệu về lịch sử, văn hóa, lễ hội, phong tục tập quán, các sản phẩm truyền thống, thông tin địa lý GIS vùng dân tộc thiểu số có tích hợp thông tin, dữ liệu đa phương tiện và các thông tin, dữ liệu khác có liên quan lĩnh vực công tác dân tộc.

4. Xây dựng, phát triển nền tảng số

a) Phát triển Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP) của Ủy ban Dân tộc, kết nối với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu nội bộ và kết nối với nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP).

b) Xây dựng, phát triển Thư viện điện tử về công tác dân tộc có khả năng trao đổi, liên kết với các cơ quan thông tin thư viện khác.

c) Nâng cấp, hoàn thiện hệ thống đào tạo trực tuyến cho cán bộ, công chức, viên chức và đồng bào dân tộc thiểu số.

d) Xây dựng, phát triển ứng dụng phổ biến chính sách dân tộc và hỗ trợ thông tin về giao thông, cảnh báo thiên tai, thảm họa, cứu hộ, cứu nạn vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

đ) Xây dựng nền tảng quản lý thiết bị IoT (IoT Platform), nền tảng quản lý video (VMS), nền tảng chuỗi khối (Blockchain), nền tảng dữ liệu lớn (Big Data) và nền tảng phân tích dữ liệu thông minh (AI Platform); xây dựng hệ thống quản lý dữ liệu đồng bộ trên cơ sở kết nối, tích hợp các nền tảng.

5. Bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng

a) Lập hồ sơ cấp độ, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt cấp độ an toàn thông tin, an ninh mạng cho các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu lĩnh vực công tác dân tộc.

b) Diễn tập thực chiến bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng, ứng cứu khẩn cấp cho hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu lĩnh vực công tác dân tộc.

c) Giám sát an toàn thông tin, an ninh mạng các hệ thống thông tin trong lĩnh vực công tác dân tộc; kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu với Trung tâm giám sát an toàn không gian mạng quốc gia.

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tuyên truyền, phổ biến

a) Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến về chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan quản lý nhà nước về công tác dân tộc, nhất là trách nhiệm nêu gương của người đứng đầu cơ quan và trưởng thôn, bản, ấp, buôn, người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số.

b) Tổ chức các hội nghị, hội thảo, tọa đàm về tăng cường chuyển đổi số lĩnh vực công tác dân tộc.

c) Xây dựng các chuyên mục thông tin, tuyên truyền về Đề án trên báo chí và phương tiện truyền thông hướng đến cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan quản lý nhà nước về công tác dân tộc và đồng bào dân tộc thiểu số.

2. Hoàn thiện thể chế

a) Rà soát, hoàn thiện khuôn khổ pháp lý, cơ chế chính sách về tăng cường chuyển đổi số lĩnh vực công tác dân tộc.

b) Rà soát, bổ sung các kiến trúc, quy chế, quy định về tăng cường chuyển đổi số lĩnh vực công tác dân tộc bảo đảm phù hợp kiến trúc Chính phủ điện tử, các chương trình quốc gia, chiến lược quốc gia, kế hoạch liên quan chuyển đổi số quốc gia.

c) Rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính (bao gồm thủ tục hành chính nội bộ); nghiên cứu, xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích đồng bào dân tộc thiểu số thực hiện dịch vụ công trực tuyến.

3. Kiện toàn tổ chức, bộ máy

a) Nghiên cứu, đề xuất các phương án kiện toàn tổ chức bộ máy đơn vị chuyên trách về chuyển đổi số.

b) Xây dựng và phát huy vai trò của trưởng thôn, bản, ấp, buôn, người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số trong tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp tăng cường chuyển đổi số lĩnh vực công tác dân tộc, phối hợp chặt chẽ với tổ công nghệ số cộng đồng, tổ công tác Đề án 06 thúc đẩy quá trình triển khai các hoạt động tăng cường chuyển đổi số tại địa phương.

4. Đào tạo, tập huấn, phát triển nguồn nhân lực

a) Xây dựng chương trình tập huấn, tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng về chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan quản lý nhà nước về công tác dân tộc và cán bộ công chức cấp xã, trưởng thôn, bản, ấp, buôn, người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số.

b) Nghiên cứu, đề xuất cơ chế chính sách phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong đồng bào dân tộc thiểu số, trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt.

5. Bảo đảm nguồn lực

a) Xây dựng, ban hành kế hoạch thực hiện Đề án, hướng dẫn triển khai thực hiện Đề án.

b) Bố trí nguồn nhân lực, nguồn kinh phí, nguồn lực về khoa học, công nghệ trong triển khai thực hiện Đề án.

6. Hợp tác quốc tế

a) Hợp tác, trao đổi kinh nghiệm với các tổ chức, doanh nghiệp quốc tế về hoạt động tăng cường chuyển đổi số lĩnh vực công tác dân tộc.

b) Nghiên cứu, ưu tiên triển khai các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, các đề tài nghiên cứu ứng dụng quốc tế có kết quả, sản phẩm hướng tới phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Đề án từ ngân sách nhà nước bao gồm chi thường xuyên theo phân cấp ngân sách và chi đầu tư phát triển được cân đối hàng năm cho các bộ, ngành, địa phương theo quy định; kinh phí tự cân đối và huy động hợp pháp khác của các cơ quan, đơn vị thuộc đối tượng tham gia Đề án.

2. Khuyến khích huy động từ nguồn vốn tài trợ, hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước và các nguồn vốn xã hội hóa khác; tăng cường sử dụng nguồn kinh phí lồng ghép trong các chương trình, đề án liên quan đã được phê duyệt.

3. Ưu tiên triển khai các nhiệm vụ của Đề án theo hình thức thuê dịch vụ công nghệ thông tin, đối tác công tư, giao nhiệm vụ, hình thức đặt hàng tùy theo từng nhiệm vụ cụ thể.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ủy ban Dân tộc

a) Chủ trì tổ chức, hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc thực hiện Đề án; chủ động đề xuất, kiến nghị, điều chỉnh, bổ sung Đề án trong trường hợp cần thiết.

b) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương có liên quan triển khai các nhiệm vụ, giải pháp quy định tại Mục III và Mục IV Điều này; xây dựng, ban hành chế độ báo cáo tình hình thực hiện Đề án trên hệ thống thông tin báo cáo của Ủy ban Dân tộc.

c) Chủ trì xây dựng, ban hành quy chế quản lý vận hành, khai thác Trung tâm dữ liệu.

d) Chủ trì, phối hợp với Bộ Công an, Bộ Thông tin và Truyền thông và các cơ quan liên quan bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng, bảo đảm cơ sở hạ tầng phục vụ Đề án, tuân thủ theo hướng dẫn kỹ thuật của Đề án 06.

2. Bộ Thông tin và Truyền thông

a) Bảo đảm hạ tầng số quốc gia, hạ tầng viễn thông, đường truyền kết nối để triển khai các hoạt động tăng cường chuyển đổi số lĩnh vực công tác dân tộc.

b) Phối hợp với Ủy ban Dân tộc tuyên truyền, phổ biến về các hoạt động tăng cường chuyển đổi số lĩnh vực công tác dân tộc.

3. Bộ Công an

a) Chủ trì hướng dẫn Ủy ban Dân tộc triển khai Kho dữ liệu công tác dân tộc và Kho dữ liệu thống kê 53 dân tộc thiểu số tại Trung tâm dữ liệu quốc gia theo nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 175/NQ-CP của Chính phủ ngày 30 tháng 10 năm 2023 về phê duyệt Đề án Trung tâm dữ liệu quốc gia.

b) Phối hợp với Ủy ban Dân tộc xây dựng lộ trình triển khai Trung tâm dữ liệu phù hợp với lộ trình triển khai Trung tâm dữ liệu quốc gia.

4. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

a) Chủ trì kết nối chia sẻ thông tin, dữ liệu về hộ nghèo, hộ cận nghèo đồng bào dân tộc thiểu số từ cơ sở dữ liệu lĩnh vực an sinh xã hội.

b) Phối hợp với Ủy ban Dân tộc và các bộ, ngành, địa phương có liên quan đào tạo nghề cho đồng bào dân tộc thiểu số đáp ứng yêu cầu tăng cường chuyển đổi số lĩnh vực công tác dân tộc.

5. Bộ Tài chính

Chủ trì tổng hợp trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí ngân sách nhà nước chi thường xuyên trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm của các bộ, ngành, địa phương để thực hiện Đề án theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành.

6. Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì cân đối, bố trí kinh phí ngân sách nhà nước nguồn vốn đầu tư công để thực hiện Đề án theo đúng quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn thi hành.

7. Ủy ban nhân dân các tỉnh thành phố trực thuộc trung ương

a) Xây dựng kế hoạch thực hiện Đề án theo hướng dẫn của Ủy ban Dân tộc, bảo đảm kinh phí thực hiện Đề án theo quy định của pháp luật.

b) Định kỳ hằng năm trước ngày 15 tháng 12 báo cáo tình hình kết quả thực hiện Đề án theo chức năng, nhiệm vụ được giao về Ủy ban Dân tộc để tổng hợp, theo dõi, giám sát.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục;
- Lưu: VT, KSTT (2b). 40

